

Họ và tên: Lớp: 5.....

Điểm	Nhận xét của giáo viên

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 – MÔN TOÁN LỚP 5

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống · Bộ đề 4

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

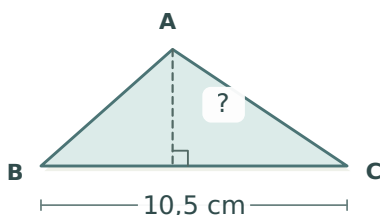
Câu 1 (0,5 điểm). Cách viết nào không làm thay đổi giá trị số 4,5?

- A. 4,05 B. 4,50 C. 45,0 D. 0,45

Câu 2 (0,5 điểm). Để được 0,83 từ 83 bằng một phép nhân, cần nhân 83 với:

- A. 10 B. 0,1 C. 100 D. 0,01

Câu 3 (0,5 điểm). Tam giác trong hình có diện tích 21 cm^2 . Chiều cao còn thiếu là:



- A. 4 cm B. 2 cm C. 10,5 cm D. 42 cm

Câu 4 (0,5 điểm). Chu vi hình tròn bán kính 1,5 m là bao nhiêu? Lấy số pi bằng 3,14.

- A. 4,71 m B. 3 m C. 9,42 m D. 7,065 m

Câu 5 (0,5 điểm). Đổ 3 chai, mỗi chai 0,75 lít, rồi thêm 0,5 lít nước vào bình rỗng chứa được 3 lít. Bình còn có thể chứa thêm bao nhiêu lít?

- A. 0,75 lít B. 0,25 lít C. 0,5 lít D. 2,75 lít

Câu 6 (0,5 điểm). Cách tính thuận tiện nào đúng cho $12,5 \times 3,6 + 12,5 \times 6,4$?

- A. $12,5 \times (3,6 \times 6,4)$ B. $(12,5 + 12,5) \times 10$
C. $12,5 + (3,6 + 6,4)$ D. $12,5 \times (3,6 + 6,4)$

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Đặt tính rồi tính:

a) $45,09 + 8,7$

.....
.....
.....

b) $96 - 58,425$

.....
.....
.....

c) $2,75 \times 3,6$

.....
.....
.....

d) $45,9 : 1,8$

.....
.....
.....

Câu 2 (1 điểm). Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $8\text{ m } 5\text{ mm} = \dots\dots\dots\text{ m}$

b) $2\text{ tạ } 7\text{ kg} = \dots\dots\dots\text{ tạ}$

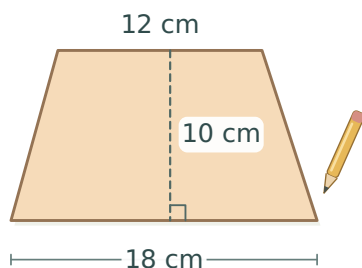
c) $9\text{ m}^2\text{ } 6\text{ dm}^2 = \dots\dots\dots\text{ m}^2$

d) $0,052\text{ km}^2 = \dots\dots\dots\text{ ha}$

Câu 3 (2 điểm). Hoa mua $3,6\text{ kg}$ bột với giá $25\,000$ đồng mỗi ki-lô-gam. Hoa đưa người bán hàng $100\,000$ đồng. Hỏi người bán hàng phải trả lại Hoa bao nhiêu tiền?

.....
.....
.....
.....

Câu 4 (2 điểm). Một tấm bìa hình thang có kích thước như hình. Từ tấm bìa đó, người ta cắt ra một miếng bìa hình tam giác có đáy 8 cm và chiều cao 6 cm . Tính diện tích phần bìa còn lại.



.....
.....
.....
.....

----- Hết -----

ĐÁP ÁN

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	D	A	C	B	D

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm.

Câu 1. Phương pháp: Có thể thêm chữ số 0 bên phải phần thập phân.

Lời giải: $4,5 = 4,50$.

Đáp án: B.

Câu 2. Phương pháp: Từ 83 thành 0,83 là giảm 100 lần.

Lời giải: $83 \times 0,01 = 0,83$.

Đáp án: D.

Câu 3. Phương pháp: Chiều cao bằng hai lần diện tích chia đáy.

Lời giải: $21 \times 2 : 10,5 = 4$ (cm).

Đáp án: A.

Câu 4. Phương pháp: Bán kính nhân 2 rồi nhân 3,14.

Lời giải: $1,5 \times 2 \times 3,14 = 9,42$ (m).

Đáp án: C.

Câu 5. Phương pháp: Tính lượng đã đổ rồi lấy sức chứa trừ lượng đổ.

Lời giải: Đã đổ: $0,75 \times 3 + 0,5 = 2,75$ (lít). Còn chứa thêm: $3 - 2,75 = 0,25$ (lít).

Đáp án: B.

Câu 6. Phương pháp: Đặt thừa số chung 12,5.

Lời giải: $12,5 \times (3,6 + 6,4) = 12,5 \times 10 = 125$.

Đáp án: D.

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Phương pháp: Viết thẳng cột khi cộng trừ; đặt dấu phẩy của tích; chuyển phép chia về số chia tự nhiên.

Lời giải:

a) $45,09 + 8,70 = 53,79$.

b) Viết $96 = 96,000$ rồi trừ: $96,000 - 58,425 = 37,575$.

c) $275 \times 36 = 9\,900$, đặt 3 chữ số sau dấu phẩy: $2,75 \times 3,6 = 9,9$.

d) $45,9 : 1,8 = 459 : 18 = 25,5$.

Chấm điểm: Mỗi ý đặt tính và tính đúng được 0,5 điểm.

Câu 2 (1 điểm). Phương pháp: Dùng quan hệ giữa các đơn vị ghi trong từng ý; viết đúng vị trí dấu phẩy khi đổi sang đơn vị lớn hơn.

Lời giải:

a) $8\text{ m } 5\text{ mm} = 8,005\text{ m}$.

b) $2\text{ tạ } 7\text{ kg} = 2,07\text{ tạ}$.

c) $9\text{ m}^2\text{ } 6\text{ dm}^2 = 9,06\text{ m}^2$.

d) $0,052\text{ km}^2 = 5,2\text{ ha}$.

Chấm điểm: Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.

Câu 3 (2 điểm). Phương pháp: Tính tiền mua bột rồi lấy số tiền đã đưa trừ tiền mua.

Lời giải:

Tiền mua bột là:

$$3,6 \times 25\,000 = 90\,000 \text{ (đồng)}.$$

Số tiền trả lại Hoa là:

$$100\,000 - 90\,000 = 10\,000 \text{ (đồng)}.$$

Đáp số: 10 000 đồng.

Chấm điểm: Mỗi bước tính đúng kèm lời giải phù hợp được 1 điểm; điểm bước cuối bao gồm đáp số. Chấp nhận cách giải khác đúng.

Câu 4 (2 điểm). Phương pháp: Tính diện tích hình thang và tam giác, rồi lấy diện tích ban đầu trừ phần cắt ra.

Lời giải:

Diện tích tấm bìa hình thang là:

$$(18 + 12) \times 10 : 2 = 150 \text{ (cm}^2\text{)}.$$

Diện tích miếng bìa hình tam giác là:

$$8 \times 6 : 2 = 24 \text{ (cm}^2\text{)}.$$

Diện tích phần bìa còn lại là:

$$150 - 24 = 126 \text{ (cm}^2\text{)}.$$

Đáp số: 126 cm².

Chấm điểm: Diện tích hình thang: 0,75 điểm; diện tích tam giác: 0,5 điểm; phần còn lại và đáp số: 0,75 điểm. Chấp nhận cách giải khác đúng.